

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU
ĐỒNG THÁP**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 32

AA
ACH
KI
FC
C
A/R

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5103000024 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27 tháng 10 năm 2004 và đã thay đổi lần thứ 6 số 1400475345 ngày 06 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần 7 số 1400475345 ngày 25 tháng 01 năm 2013.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại : 067 3 877 012
- Fax : 067 3 877 029

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Mua bán xăng dầu, nhớt.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Dương Thị Mai Hưng	Chủ tịch	Ngày 21 tháng 04 năm 2016	
Bà Lê Thị Hồng	Chủ tịch	Ngày 24 tháng 06 năm 2015	Ngày 21 tháng 04 năm 2016
Bà Ngô Thị Xuân Nữ	Phó Chủ tịch	Ngày 25 tháng 04 năm 2014	
Ông Huỳnh Văn Thành	Thành viên	Ngày 25 tháng 04 năm 2014	
Ông Nguyễn Ngọc Thới	Thành viên	Ngày 25 tháng 04 năm 2014	
Ông Nguyễn Đức Vương	Thành viên	Ngày 25 tháng 04 năm 2014	
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên	Ngày 25 tháng 04 năm 2014	
Ông Mai An Mỹ	Thành viên	Ngày 25 tháng 04 năm 2014	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Thúy	Trưởng ban	Ngày 21 tháng 04 năm 2016	
Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Trưởng ban	Ngày 25 tháng 04 năm 2014	Ngày 21 tháng 04 năm 2016
Bà Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	Ngày 25 tháng 04 năm 2014	

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Giám đốc	Ngày 25 tháng 04 năm 2014
Ông Mai An Mỹ	Phó giám đốc	Ngày 25 tháng 04 năm 2014

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Giám đốc	25 tháng 01 năm 2013

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



DƯƠNG THỊ MAI HƯNG

Chủ tịch

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Số: 038/2017/BCKT- CT.00025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp ("Công ty"), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2017, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2013-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ
TP. Cần Thơ, ngày 24 tháng 03 năm 2017

NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2860-2014-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.998.845.881	10.145.598.885
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.995.345.931	2.422.840.953
Tiền	111		3.983.220.685	2.422.840.953
Các khoản tương đương tiền	112		9.012.125.246	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.648.926.070	7.669.383.985
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	3.777.053.061	4.187.063.205
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	54.450.000	2.432.340.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.127.263.209	1.049.980.780
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(309.840.200)	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		224.563.443	53.373.947
Hàng tồn kho	141	5.6	224.563.443	53.373.947
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		130.010.437	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	130.010.437	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.118.778.362	60.831.398.946
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		43.846.017.625	49.406.892.426
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	43.480.017.625	49.040.892.426
Nguyên giá	222		76.345.183.979	80.710.457.225
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.865.166.354)	(31.669.564.799)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	366.000.000	366.000.000
Nguyên giá	228		366.000.000	366.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	181.291.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	-	181.291.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	9.552.975.886	9.552.975.886
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.805.976.460	15.805.976.460
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.253.000.574)	(6.253.000.574)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.719.784.851	1.690.239.634
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	2.719.784.851	1.690.239.634
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		74.117.624.243	70.976.997.831

AABS
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 KIỂM TOÁN
 AFC
 CT
 TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
NỢ PHẢI TRẢ	300		8.033.982.301	6.993.307.135
Nợ ngắn hạn	310		6.720.590.381	5.387.307.135
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	640.980.572	622.756.078
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	522.732.782	602.997.830
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.181.909.136	728.576.045
Phải trả người lao động	314		1.565.817.171	1.238.834.559
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	106.712.444	211.831.659
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	-	49.914.365
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17.1	1.315.920.000	1.730.006.550
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quý khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	386.518.276	202.390.049
Quý bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		1.313.391.920	1.606.000.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17.2	1.313.391.920	1.606.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quý phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

3-C
 3-T
 MH
 18/12
 NH
 AN
 VG
 11

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.083.641.942	63.983.690.696
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	66.083.641.942	63.983.690.696
Vốn góp của chủ sở hữu	411		43.705.100.000	43.705.100.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		43.705.100.000	43.705.100.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.412.000	4.412.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		11.392.963.285	10.609.374.058
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		735.528.390	735.528.390
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.245.638.267	8.929.276.248
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>			-	-
<i>lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		1.723.485.794	1.466.883.977
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		8.522.152.473	7.462.392.271
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		74.117.624.243	70.976.997.831

Cual

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng/ Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG QUÂN
Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Số 215 - 217, đường Trương Hán Siêu, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	55.498.184.820	48.929.162.598
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		55.498.184.820	48.929.162.598
Giá vốn hàng bán	11	6.2	12.850.070.046	15.657.370.061
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.648.114.774	33.271.792.537
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	516.933.411	1.490.438.805
Chi phí tài chính	22	6.4	369.875.848	52.181.931
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	20.455.308.409	16.288.907.684
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	10.545.546.452	8.946.541.231
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.794.317.476	9.474.600.496
Thu nhập khác	31	6.7	51.752.400	167.975.264
Chi phí khác	32		890.698.985	-
Lợi nhuận khác	40		(838.946.585)	167.975.264
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.955.370.891	9.642.575.760
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.16	2.145.718.418	1.806.683.489
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.809.652.473	7.835.892.271
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	2.016	1.614

Cat



LÊ THỊ THANH
 Kế toán trưởng/ Người lập biểu

NGUYỄN HOÀNG QUÂN
 Giám đốc
 Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Số 215 - 217, đường Trương Hán Siêu, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		10.955.370.891	9.642.575.760
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.500.700.915	5.116.314.470
Các khoản dự phòng	03		309.840.200	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(30.018.580)	(15.879.085)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		416.040.062	(1.444.087.014)
Chi phí lãi vay	06		322.585.607	48.585.299
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		17.474.519.095	13.347.509.430
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.710.617.715	(132.233.147)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(171.189.496)	240.438.915
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(61.863.368)	(2.083.612.474)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.159.555.654)	145.950.344
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(322.585.607)	(48.585.299)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(520.613.481)	(1.171.532.097)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.280.961.000)	(1.050.394.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.668.368.204	9.247.541.672
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.012.870.463)	(11.184.082.771)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.363.636.364	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		474.658.923	1.444.087.014
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(174.575.176)	(9.739.995.757)



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Số 215 - 217, đường Trương Hán Siêu, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2016	2015
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		2.430.150.740	6.569.025.380
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.136.845.370)	(3.233.018.830)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.244.612.000)	(6.118.714.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.951.306.630)	(2.782.707.450)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		10.542.486.398	(3.275.161.535)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.422.840.953	5.682.123.403
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		30.018.580	15.879.085
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		12.995.345.931	2.422.840.953

Cual

LÊ THỊ THANH
 Kế toán trưởng/ Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG QUÂN
 Giám Đốc
 Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2017

AA
 C
 ACH
 KI
 FC
 C
 1/1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyên.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Mua bán xăng dầu, nhớt.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty không có công ty con, công ty liên doanh, liên kết

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tổng số nhân viên của Công ty là 100 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 100 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

95-6
IG T
IEM H
A TO
IET
INH
AN
NG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chủ yếu là chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 14 năm

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.14 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.15 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	Công ty mẹ
Hội đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	37.373.930	4.127.795
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	2.456.883.721	1.718.855.674
- USD	1.488.963.034	699.857.484
Các khoản tương đương tiền (*)	9.012.125.246	-
	12.995.345.931	2.422.840.953

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Gốc ngoại tệ	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	-	-
- USD	65.544,87	1.488.963.034

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn một tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam – CN Đồng Tháp có lãi suất từ 4,4% đến 4,9%/ năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	2.675.870.405	3.439.424.154
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty Thary (Campuchia)	-	190.576.445
Công ty TNHH TM XNK Xăng Dầu	625.410.825	-
Ông Lý Văn Danh	133.363.000	133.363.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ông Nguyễn Công Minh	98.223.200	98.223.200
Phải thu các khách hàng khác	244.185.631	325.476.406
	<u>3.777.053.061</u>	<u>4.187.063.205</u>

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước cho người bán khác		
Doanh nghiệp Tư Nhân Tư Lai	-	2.200.000.000
Cơ sở Sản xuất và Sửa chữa Lê Duy Tân	29.450.000	-
Đặng Hồng Đức	20.000.000	-
Cơ Sở sửa máy Tú Tuấn	-	210.000.000
Phải trả cho người bán khác	5.000.000	22.340.000
	<u>54.450.000</u>	<u>2.432.340.000</u>

5.4 Phải thu ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu về tạm ứng	1.050.046.312	-	842.339.463	-
Phải thu tiền bồi thường	77.216.897	-	207.641.317	-
	<u>1.127.263.209</u>	<u>-</u>	<u>1.049.980.780</u>	<u>-</u>

5.5 Nợ xấu

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND
Nợ quá hạn của các cá nhân khác				
Nợ quá hạn trên 3 năm				
Ông Huỳnh Thanh Phương	23.860.000	-	-	-
Ông Lý Văn Danh	133.363.000	-	-	-
Ông Nguyễn Công Minh	98.223.200	-	-	-
Ông Nguyễn Văn Lon	54.394.000	-	-	-
	<u>309.840.200</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn VND	Nợ phải thu, cho vay dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	(309.840.200)	-	(309.840.200)
Tại ngày 31/12/2016	<u>(309.840.200)</u>	<u>-</u>	<u>(309.840.200)</u>

102
 Đ. H.
 AN
 NA
 ANI
 HO
 TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	224.563.443	-	53.373.947	-
	224.563.443	-	53.373.947	-

5.7 Chi phí trước ngắn hạn, dài hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí sửa chữa	130.010.437	-
	130.010.437	-

Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tàu	2.719.784.851	1.690.239.634
	2.719.784.851	1.690.239.634

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	2.215.883.025	78.494.574.200	80.710.457.225
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	4.194.161.463	4.194.161.463
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.559.434.709)	(8.559.434.709)
Tại ngày 31/12/2016	2.215.883.025	74.129.300.954	76.345.183.979
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	644.414.554	31.025.150.245	31.669.564.799
Khấu hao trong năm	158.277.360	5.342.423.555	5.500.700.915
Giảm do thanh lý	-	(4.305.099.360)	(4.305.099.360)
Tại ngày 31/12/2016	802.691.914	32.062.474.440	32.865.166.354
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	1.571.468.471	47.469.423.955	49.040.892.426
Tại ngày 31/12/2016	1.413.191.111	42.066.826.514	43.480.017.625

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình theo sổ sách là 12.653.197.662 VND đã được thế chấp, cầm cố cho các khoản vay của Ngân hàng.

5.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất không thời hạn nên không trích khấu hao. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị quyền sử dụng đất được cầm cố bảo đảm các khoản vay tại ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2016	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Hoán cải tàu Đồng Tháp 12	181.291.000	4.012.870.463	(4.194.161.463)	-
	181.291.000	4.012.870.463	(4.194.161.463)	-

5.11 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty CP Vận Tải Dầu Khí MeKong	7.046.000.000	(*)	(6.253.000.574)	7.046.000.000	(*)	(6.253.000.574)
Công ty CP BMC Đồng Tháp	2.626.576.460	(*)	-	2.626.576.460	(*)	-
Công ty CP Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà	300.000.000	(*)	-	300.000.000	(*)	-
Công ty CP Vận Tải Biển Khai Nguyên	5.833.400.000	(*)	-	5.833.400.000	(*)	-
	15.805.976.460	(*)	(6.253.000.574)	15.805.976.460	(*)	(6.253.000.574)

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	2016 VND	2016 VND
Tại ngày 01/01/2016	(6.253.000.574)	(6.253.000.574)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Tại ngày 31/12/2016	(6.253.000.574)	(6.253.000.574)

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty CP Nhiên Liệu Đồng	165.209.550	209.821.870
Công ty TNHH Thương Mại Gia Luân	84.337.000	-
XI Nghiệp Sơn Hải Âu	-	208.811.708
Công ty Bảo Việt Đồng Tháp	347.975.222	133.458.000
Các nhà cung cấp khác	43.458.800	70.664.500
	640.980.572	622.756.078

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Xăng Dầu	-	580.815.600
Kho BVM Kampuchia	378.991.740	-
Các công nợ khác	143.741.042	22.182.230
	<u>522.732.782</u>	<u>602.997.830</u>

5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2016		Số phát sinh trong năm		31/12/2016	
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	207.962.564	1.220.177.906	(1.391.949.752)		36.190.718	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	520.613.481	2.145.718.418	(520.613.481)		2.145.718.418	
Các loại thuế khác	-	134.311.824	(134.311.824)		-	
	<u>728.576.045</u>	<u>3.500.208.148</u>	<u>(2.046.875.057)</u>		<u>2.181.909.136</u>	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng theo từng lĩnh vực theo quy định thuế suất thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2016 VND	2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.955.370.891	9.642.575.760
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(226.778.800)	(1.430.378.085)
- Các khoản điều chỉnh tăng	80.000.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(306.778.800)	(1.430.378.085)
Thu nhập tính thuế	<u>10.728.592.091</u>	<u>8.212.197.675</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>2.145.718.418</u>	<u>1.806.683.489</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty áp dụng là 20%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trích trước chi phí đi Campuchia	106.712.444	211.831.659
	<u>106.712.444</u>	<u>211.831.659</u>

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	49.914.365
	-	<u>49.914.365</u>
Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.		

5.17 Vay ngắn hạn, dài hạn

5.17.1 Vay ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác				
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp (*)	-	-	926.006.550	926.006.550
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 5.16.2)	1.315.920.000	1.315.920.000	804.000.000	804.000.000
	<u>1.315.920.000</u>	<u>1.315.920.000</u>	<u>1.730.006.550</u>	<u>1.730.006.550</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng trong năm như sau:

	01/01/2016 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2016 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp	926.006.550	937.578.820	-	(1.863.585.370)	-
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	804.000.000	-	1.315.920.000	(804.000.000)	1.315.920.000
	<u>1.730.006.550</u>	<u>937.578.820</u>	<u>1.315.920.000</u>	<u>(2.667.585.370)</u>	<u>1.315.920.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.17.2 Vay dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp (*)	2.629.311.920	2.629.311.920	2.410.000.000	2.410.000.000
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả				
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	(1.315.920.000)	(1.315.920.000)	(804.000.000)	(804.000.000)
	<u>1.313.391.920</u>	<u>1.313.391.920</u>	<u>1.606.000.000</u>	<u>1.606.000.000</u>

(*) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam – CN Đồng Tháp theo hợp đồng tín số: số 34890.15.710.253842.TD được ký kết ngày 03 tháng 12 năm 2015.

Chi tiết như sau:

- Mục đích : Thanh toán chi phí hoán cải tàu dầu Đồng Tháp 12 - ĐT 22059
 Thời hạn vay : 36 tháng
 Lãi suất vay : kỳ tính lãi đầu tiên là 9% sau đó có điều chỉnh lãi suất
 Hình thức đảm bảo : Thế chấp các tài sản sau:
 - Tàu SAVIMEX 09: giá trị còn lại tại 31/12/2016 là 12.653.197.662 VNĐ
 - Thửa đất số 268, đường số 3 - KDC 43 căn, Phường Phú Mỹ, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là Trụ sở văn phòng công ty.
 - Thửa đất số 291, đường số 3 - KDC 43 căn, Phường Phú Mỹ, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là Trụ sở văn phòng Công ty

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016			
Vay dài hạn ngân hàng	2.629.311.920	1.315.920.000	1.313.391.920
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	-	-	-
	<u>2.629.311.920</u>	<u>1.315.920.000</u>	<u>1.313.391.920</u>
Tại ngày 01/01/2016			
Vay dài hạn ngân hàng			
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	2.410.000.000	804.000.000	1.606.000.000
	<u>2.410.000.000</u>	<u>804.000.000</u>	<u>1.606.000.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn tại ngân hàng trong năm như sau:

	01/01/2016	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	1.606.000.000	1.492.571.920	(469.260.000)	(1.315.920.000)	1.313.391.920
	<u>1.606.000.000</u>	<u>1.492.571.920</u>	<u>(469.260.000)</u>	<u>(1.315.920.000)</u>	<u>1.313.391.920</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2016	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	86.522.681	470.153.536	(514.796.000)	41.880.217
Quỹ phúc lợi	115.867.368	313.435.691	(84.665.000)	344.638.059
	<u>202.390.049</u>	<u>783.589.227</u>	<u>(599.461.000)</u>	<u>386.518.276</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.19 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")		5.19.2 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu						Cộng	
	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND			VND	VND
Năm trước									
Tại ngày 01/01/2015	43.705.100.000	4.412.000	9.673.110.870	735.528.390	9.458.124.353			63.576.275.613	
Lãi trong năm	-	-	-	-	7.835.892.271			7.835.892.271	
Trích lập các quỹ	-	-	936.263.188	-	(936.263.188)			-	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(936.263.188)			(936.263.188)	
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(184.500.000)			(184.500.000)	
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	(189.000.000)			(189.000.000)	
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(6.118.714.000)			(6.118.714.000)	
Tại ngày 31/12/2015	43.705.100.000	4.412.000	10.609.374.058	735.528.390	8.929.276.248			63.983.690.696	
Năm nay									
Tại ngày 01/01/2016	43.705.100.000	4.412.000	10.609.374.058	735.528.390	8.929.276.248			63.983.690.696	
Lãi trong năm	-	-	-	-	8.809.652.473			8.809.652.473	
Trích lập các quỹ	-	-	783.589.227	-	(783.589.227)			-	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(783.589.227)			(783.589.227)	
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016 (*)	-	-	-	-	(287.500.000)			(287.500.000)	
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	(394.000.000)			(394.000.000)	
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(5.244.612.000)			(5.244.612.000)	
Tại ngày 31/12/2016	43.705.100.000	4.412.000	11.392.963.285	735.528.390	10.245.638.267			66.083.641.942	

(*) Công ty tạm chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.19 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.19.2 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước						
Tại ngày 01/01/2015	43.705.100.000	4.412.000	9.673.110.870	735.528.390	9.458.124.353	63.576.275.613
Lãi trong năm	-	-	-	-	7.835.892.271	7.835.892.271
Trích lập các quỹ	-	-	936.263.188	-	(936.263.188)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(936.263.188)	(936.263.188)
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(184.500.000)	(184.500.000)
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	(189.000.000)	(189.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(6.118.714.000)	(6.118.714.000)
Tại ngày 31/12/2015	43.705.100.000	4.412.000	10.609.374.058	735.528.390	8.929.276.248	63.983.690.696
Năm nay						
Tại ngày 01/01/2016	43.705.100.000	4.412.000	10.609.374.058	735.528.390	8.929.276.248	63.983.690.696
Lãi trong năm	-	-	-	-	8.809.652.473	8.809.652.473
Trích lập các quỹ	-	-	783.589.227	-	(783.589.227)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(783.589.227)	(783.589.227)
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016 (*)	-	-	-	-	(287.500.000)	(287.500.000)
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	(394.000.000)	(394.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(5.244.612.000)	(5.244.612.000)
Tại ngày 31/12/2016	43.705.100.000	4.412.000	11.392.963.285	735.528.390	10.245.638.267	66.083.641.942

(*) Công ty tạm chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.19.2 Chi tiết vốn góp của cổ đông sáng lập

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	22.289.560.000	51,00	22.289.560.000	51,00
Công ty TNHH Thương Mại Vạn Tài Thành Lợi	2.350.000.000	5,38	2.350.000.000	5,38
Cổ đông khác	19.065.540.000	43,62	19.065.540.000	43,62
	43.705.100.000	100,00	43.705.100.000	100,00

Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.370.510	4.370.510
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu phổ thông	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu phổ thông	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 21 tháng 04 năm 2016 như sau:

	VND
• Chia cổ tức	: 5.244.612.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 783.589.227
• Trích khen thưởng phúc lợi	: 783.589.227
• Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	: 394.000.000

5.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

5.20.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND	Nguyên nhân xóa
Xóa nợ phải thu Trạm Xăng Dầu Sa Đéc	178.056.600	178.056.600	Do Công ty nhận thấy những khoản phải thu này không có khả năng thu hồi
	178.056.600	178.056.600	

5.20.2 Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
Dollar Mỹ (USD)	65.544,87	31.182,51

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
		2016	2015
		VND	VND
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	55.498.184.820	48.929.162.598
		<u>55.498.184.820</u>	<u>48.929.162.598</u>
6.2 Giá vốn hàng bán			
		2016	2015
		VND	VND
	Giá vốn cung cấp dịch vụ	12.850.070.046	15.657.370.061
		<u>12.850.070.046</u>	<u>15.657.370.061</u>
6.3 Doanh thu hoạt động tài chính			
		2016	2015
		VND	VND
	Lãi tiền gửi	167.880.123	29.588.014
	Cổ tức và lợi nhuận được chia	306.778.800	1.414.499.000
	Chênh lệch tỷ giá	42.274.488	46.351.791
		<u>516.933.411</u>	<u>1.490.438.805</u>
6.4 Chi phí hoạt động tài chính			
		2016	2015
		VND	VND
	Chi phí lãi vay ngân hàng	322.585.607	48.585.299
	Lỗ chênh lệch tỷ giá	47.290.241	3.596.632
		<u>369.875.848</u>	<u>52.181.931</u>
6.5 Chi phí bán hàng			
		2016	2015
		VND	VND
	Chi phí nhân viên	9.132.431.143	7.363.224.627
	Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.450.000	24.131.667
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.912.323.996	4.971.226.890
	Các chi phí bán hàng khác	6.407.103.270	3.930.324.500
		<u>20.455.308.409</u>	<u>16.288.907.684</u>

NG
 HIỆP
 M,
 VI
 HI
 CẢ
 NI

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.697.553.706	2.018.023.173
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.800.000	30.876.609
Chi phí khấu hao TSCĐ	588.376.919	140.087.580
Thuế, phí và lệ phí	873.381.653	698.069.672
Chi phí dự phòng	309.840.200	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.073.593.974	6.059.484.197
	10.545.546.452	8.946.541.231

6.7 Thu nhập khác

	2016 VND	2015 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	-
Trong đó:	-	-
- Thu thanh lý tài sản cố định	-	-
- Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	-	-
Bán phế liệu	15.000.000	16.000.000
Các khoản thu nhập khác	36.752.400	151.975.264
	51.752.400	167.975.264

6.8 Chi phí khác

	2016 VND	2015 VND
Lỗ thanh lý tài sản cố định	890.698.985	-
Trong đó:		
Thu thanh lý tài sản cố định	(3.363.636.364)	-
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	4.254.335.349	-
	890.698.985	-

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.809.652.473	7.835.892.271
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(783.589.227)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.809.652.473	7.052.303.044
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.370.510	4.370.510
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.016	1.614

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.856.320.046	15.712.378.337
Chi phí nhân công	10.829.984.849	9.381.247.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.500.700.915	5.116.314.470
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.421.131.019	2.208.489.565
Chi phí khác	10.932.947.878	8.479.388.804
	43.541.084.707	40.897.818.976

7 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu, chi phí thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Các khoản vay và nợ	1.315.920.000	1.313.391.920	2.629.311.920
Phải trả người bán	640.980.572	-	640.980.572
Chi phí phải trả	106.712.444	-	106.712.444
	2.063.613.016	1.313.391.920	3.377.004.936
Ngày 01 tháng 01 năm 2016			
Các khoản vay và nợ	1.730.006.550	1.606.000.000	3.336.006.550
Phải trả người bán	622.756.078	-	622.756.078
Chi phí phải trả	211.831.659	-	211.831.659
	2.564.594.287	1.606.000.000	4.170.594.287

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp đất đai và phương tiện vận tải của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.7).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

iv. Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 01 tháng 01 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 01 tháng 01 năm 2016
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Các khoản phải thu				
Phải thu bên thứ ba	791.342.456	747.639.051	791.342.456	747.639.051
Phải thu các bên liên quan	2.675.870.405	3.439.424.154	2.675.870.405	3.439.424.154
Các khoản phải thu khác	77.216.897	207.641.317	77.216.897	207.641.317
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư dài hạn khác	9.552.975.886	9.552.975.886	9.552.975.886	9.552.975.886
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.995.345.931	2.422.840.953	12.995.345.931	2.422.840.953
	25.301.409.119	16.370.521.361	25.301.409.119	16.370.521.361
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	2.629.311.920	3.336.006.550	2.629.311.920	3.336.006.550
Phải trả người bán	640.980.572	622.756.078	640.980.572	622.756.078
Chi phí phải trả	106.712.444	211.831.659	106.712.444	211.831.659
	3.377.004.936	4.170.594.287	3.377.004.936	4.170.594.287

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015. Ban Giám đốc đã trình bày giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8 CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Công ty mẹ, các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với Công ty mẹ

Giao dịch với công ty mẹ

	2016 VND	2015 VND
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	31.783.493.612	32.406.779.802
Trả cổ tức	2.674.747.200	4.457.910.400
Bồi thường hàng thiếu	927.670.900	1.991.108.962
Mua dầu nhớt	560.755.227	-
Số dư của Công ty mẹ		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.675.870.405	3.439.424.154



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

8.1.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	2016 VND	2015 VND
Nhận cổ tức	149.304.000	28.071.400

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Không có các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2016 VND	2015 VND
Tiền lương, thưởng	952.200.000	840.100.000
Tiền thù lao	226.000.000	184.500.000
	<u>1.178.200.000</u>	<u>1.024.600.000</u>

8.1.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

8.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là kinh doanh đường và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

002
TY
HỮU H
TOÁN
ỆT N
NHÂN
N THC
G-TT

8.3 Trình bày lại số liệu so sánh

Công ty trình bày lại thông tin về Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 do điều chỉnh lại số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông ngày 21 tháng 04 năm 2016.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Mã số	2015 Số liệu đã trình bày VND	Điều chỉnh tăng/ (giảm) VND	2015 Số liệu trình bày lại VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.973	(359)	1.614

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Cul

LÊ THỊ THANH
 Kế toán trưởng/ Người lập biểu



NGUYỄN HOÀNG QUÂN
 Giám đốc
 Đồng Tháp, ngày 24 tháng 03 năm 2017

